

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
QLKTCTTL QUẢNG TRỊ  
Mã số thuế: 3200198514

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 107/C.ty

Quảng Trị, ngày 8 tháng 6 năm 2017

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

**Năm báo cáo: 2017**

**Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:**

**a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:**

\* Sản phẩm sản xuất chủ yếu:

- Diện tích tưới, tiêu lúa:

+ Năm 2014: 30.240,5 ha

+ Năm 2015: 29.456,3 ha

+ Năm 2016: 31.299,7 ha

- Diện tích tưới rau màu, cây hàng năm:

+ Năm 2014: 304,1 ha

+ Năm 2015: 342,6 ha

+ Năm 2016: 333,2 ha

- Nuôi trồng thủy sản:

+ Năm 2014: 284,7 ha

+ Năm 2015: 279,7 ha

+ Năm 2016: 313,1 ha

\* Tổng doanh thu:

+ Năm 2014: 33.931.191.000 đồng

+ Năm 2015: 33.418.902.000 đồng

+ Năm 2016: 36.517.820.000 đồng

\* Lợi nhuận trước thuế:

+ Năm 2014: 995,0 triệu đồng

+ Năm 2015: 722,0 triệu đồng

+ Năm 2016: 218,0 triệu đồng

\* Nộp ngân sách:

+ Năm 2014: 75,1 triệu đồng

+ Năm 2015: 167,3 triệu đồng

+ Năm 2016: 303,2 triệu đồng

**b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:**

\* Năm 2014

- Về Kiên cố hoá kênh mương: Được bố trí kinh phí 7 tỷ đồng để kiên cố hoá kênh mương. Công ty đã tập trung lực lượng lập đồ án, dự toán, lập hồ sơ đầu thầu, chỉ định thầu trình cấp trên phê duyệt kịp thời. Đã triển khai kiên cố 8 tuyến kênh

- *Công trình chống hạn:* Năm 2014 vốn Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán cho Công ty 2 đợt 19 tỷ đồng. Trong đó:

+ Đợt 1 cấp 11,8 tỷ đồng để nạo vét các sông hói, đến nay đã thực hiện được 0,8 tỷ còn 11 tỷ đang làm thủ tục để thi công (nạo vét sông Cánh hòm).

+ Đợt 2 cấp 7,2 tỷ đồng, Công ty đã chi hỗ trợ tiền điện chống hạn, trả cho các HTX tham gia chống hạn vụ Hè Thu và thi công sửa chữa 6 hạng mục công trình với tổng kinh phí thực hiện 7,2 tỷ đồng

\* Năm 2015:

- *Về Kiên cố hoá kênh mương:* Được bố trí kinh phí 7 tỷ đồng để kiên cố hoá kênh mương. Công ty đã tập trung lực lượng lập đồ án, dự toán, lập hồ sơ đấu thầu, chỉ định thầu trình cấp trên phê duyệt kịp thời. Đã triển khai kiên cố 9 tuyến kênh cấp 2 với tổng chiều dài 4,5 km.

- *Công trình chống hạn:* Năm 2015 được cấp 6 tỷ đồng, Công ty đã chi trả tiền điện chống hạn; chi trả cho các HTX tham gia chống hạn; cho xây dựng 3 trạm bơm dã chiến chống hạn tại Vĩnh Linh và thi công sửa chữa một số hạng mục công trình.

\* Năm 2016:

- *Về Kiên cố hoá kênh mương:* Năm 2016 không có nguồn kinh phí đầu tư xây dựng.

- *Công trình chống hạn:* Năm 2016 được cấp 13,3 tỷ đồng, Công ty đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình phục vụ cho công tác chống hạn như: Nạo vét sông Cánh Hòm, kênh tiêu tân Bích, nạo vét và nâng cấp các kênh dẫn để đảm bảo trữ và cấp đủ nước chống hạn. Chi trả tiền điện chống hạn; chi trả cho các HTX tham gia chống hạn; cho xây dựng 04 các trạm bơm dã chiến tại N12-4, N4 Trúc Kinh, N1 Kinh Môn và N2-5 La Ngà chống hạn tại Gio Linh, Vĩnh Linh và thi công sửa chữa một số hạng mục công trình khác. Các hạng mục đã thi công đảm bảo đáp ứng phục vụ chống hạn hiệu quả.

### **c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm:**

+ *Chương trình tăng cường công tác quản lý:* Công ty đã triển khai các công việc sau:

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế của Công ty nhằm đưa mọi hoạt động của công ty đi vào nề nếp;

- Cơ cấu tổ chức quản lý, sắp xếp bố trí lại lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng bộ phận, từng hệ thống công trình.

+ *Chương trình phát triển khoa học công nghệ:* Công ty đã triển khai các công việc sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khách hàng;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài sản;

- Xây dựng kế hoạch tưới khoa học, tiết kiệm nước cho các hệ thống.

+ *Chương trình phát triển nguồn nhân lực:* Công ty đã cho nhiều cán bộ công nhân viên đi đào tạo tập trung, tập huấn cả chuyên môn nghiệp vụ lẫn chính trị; Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm nâng cao năng lực để tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ.

+ *Chương trình nâng cấp, hiện đại hoá các hệ thống thủy lợi:*

\* Từ năm 2014 đến nay Nhà nước đã đầu tư nâng cấp các hệ thống sau:

- Nâng cấp hệ thống Trúc Kinh (từ 2014 - 2017);
- Nâng cấp hệ thống La Ngà (từ 2014 - 2017);
- Nâng cấp hệ thống Hồ Triệu Thượng 1 + 2;
- Kiên cố hoá kênh mương cấp 2: 8,2 km (2014-2015)
- Nâng cấp đập cao su Nam Thạch Hãn (2016)

\* Hiện đại hoá trang thiết bị quản lý, vận hành:

- Máy móc, trang thiết bị quản lý các văn phòng được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu làm việc và quản lý;
- Nhiều máy đóng mở ở đầu mối được vận hành bằng điện thay thế vận hành thủ công trước đây;

+ *Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:* Công ty đã triển khai các công việc sau:

\* Về phòng chống giảm nhẹ thiên tai:

- Công ty đã xây dựng được quy trình xã lũ cho tất cả các hồ chứa nhằm nâng cao mức đảm bảo cấp nước, đồng thời đảm bảo an toàn hồ đập và an toàn cho dân cư vùng hạ du.

- Hàng năm Công ty đều xây dựng phương án PCLB cho các hồ đập và triển khai đến các địa phương để cả cộng đồng phối hợp cùng nhau phòng chống thiên tai.

\* Về thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Đầu mỗi một số hồ chứa được nâng cấp đã tăng thêm lượng nước trữ để tưới như: Hồ La Ngà, hồ Triệu Thượng, hồ Trúc Kinh;

- Xây dựng phương án nạo vét mở rộng, nâng cấp các hồ chứa, các sông hói để tăng dung tích trữ nước;

- Hàng năm Công ty đều xây dựng phương án chống hạn và biện pháp tưới tiết kiệm nhằm hạn chế tối đa mức nước sử dụng trong điều kiện nắng hạn;

- Xây dựng mới các trạm bơm chống hạn cho các vùng cuối kênh khó tưới (TB Mai Hà/N12, TB Phan Hiền, TB Bàu Đá, N4 Trúc Kinh, N1 Kinh Môn và N2-5 La Ngà);

- Nâng cấp nhiều tuyến kênh chính và kênh cấp 2 nhằm giảm tổn thất nước.

#### **d) Những thuận lợi và khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất của doanh nghiệp.**

\* Thuận lợi:

Trong những năm gần đây (03 năm) Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT và các Ban ngành cấp tỉnh .

Cùng với sự phối hợp nhiệt tình đầy trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và các HTX trong việc điều hành tưới tiêu và bảo vệ công trình; đặc biệt là các địa phương khó khăn về nguồn nước tưới như ở huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất đã có nền nếp, đảm bảo sự điều hành thống nhất, tập trung từ Công ty đến các Xí nghiệp thành viên và cơ sở.

Đội ngũ CBCNV có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý; Trong lao động sản xuất luôn có tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, không ngại khó khăn gian khổ.

\* Khó khăn:

Những tháng cuối năm 2014, 2015, 2016 lượng mưa trên toàn tỉnh thấp nên các hồ chứa thuộc Công ty quản lý tích không đủ nước để phục vụ (Lượng nước các hồ tích được bình quân chỉ đạt 80% đến 90% thiết kế).

Nắng nóng xuất hiện sớm ngay từ những tháng đầu các năm và kéo dài cho đến hết tháng 8; lượng mưa trong năm cũng ít hơn trung bình nhiều năm nên lượng nước bổ sung cho các hồ rất hạn chế, do đó công tác tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp các năm 2014-2016 cực kỳ khó khăn.

Một số kênh trước đây do HTX kê khai diện tích không đúng với thực tế nên kênh thiết kế nhỏ không đủ khả năng tải nước, kéo dài thời gian tưới.

Những tuyến kênh đã phân cấp cho HTX quản lý sử dụng, nhưng khi hư hỏng hầu hết các HTX không đầu tư sửa chữa dẫn đến lãng phí nước khi tưới.

Mạng lưới kênh nội đồng nhiều HTX đầu tư chưa đồng bộ, một số HTX chưa quan tâm tu sửa nạo vét kênh nội đồng gây nhiều khó khăn trong điều tiết nước phục vụ sản xuất, nhất là thời điểm nắng hạn.

Nhận thức của người dân khu vực hưởng lợi còn hạn chế, tình trạng cuốc phá kênh để lấy nước, lấn chiếm lưu không để sản xuất, xả rác thải vào kênh mương còn nhiều gây khó khăn cho công tác quản lý và điều tiết nước.

Về kinh phí cho hoạt động sản xuất: Những năm 2014-2016 Hội đồng thẩm định kế hoạch duyệt các khoản chi phí gói gọn trong tổng doanh thu của Công ty nên nhiều khoản chi bị cắt giảm; đặc biệt kinh phí SCTX chỉ được bố trí (năm 2014: 3.750 triệu; năm 2015: 545 triệu; năm 2016: 793,6 triệu đồng) trong khi đó nhu cầu tối thiểu cần để sửa chữa là 4.0 – 6.0 tỷ đồng; Các trạm bơm điện của công ty hoạt động hết công suất để bơm tưới cho > 5.500 ha để chống hạn và đã tiêu thụ >1.300.000 Kwh điện nhưng không có nguồn để bố trí và chi trả, do đó hoạt động sản xuất của Công ty năm 2014-2016 gặp nhiều khó khăn.

Về sửa chữa lớn: Do nguồn thu có hạn nên không có kinh phí sửa chữa lớn, chỉ trông chờ vào nguồn kinh phí chống hạn ngân sách cấp để sửa chữa nâng cấp công trình, không có nguồn nào khác. Hiện tại các hệ thống công trình Công ty đang quản lý có nhiều hạng mục hư hỏng xuống cấp nhưng không có kinh phí sửa chữa, đây là một khó khăn lớn đối với Công ty.

Từ khi thực hiện cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ đến nay đã được 6 năm chưa được điều chỉnh giá. Trong những năm đầu mới thực hiện Nghị định 67/2012/NĐ-CP doanh thu của Công ty gần đáp ứng được nhu cầu chi phí cho hoạt động sản xuất. Nhưng các năm gần đây do biến động tiền lương và tiền điện tăng nhanh nên doanh thu của công ty không thể trang trải được các khoản chi phí.

Trong hoạt động sản xuất của Công ty chi phí tiền lương, tiền điện chiếm gần 60% tổng chi phí nên việc tăng tiền lương, tiền điện như trên đã làm tăng chi phí đáng kể, dẫn đến hoạt động của công ty năm 2014 đến năm 2016 gặp rất nhiều khó khăn;

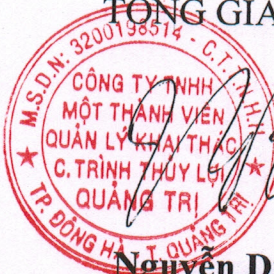
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA  
DOANH NGHIỆP**

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước Thực hiện năm báo cáo 2017
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Ha	30.829,3	30.078,6	31.946,0	31.930,0
a	Tưới tiêu cho lúa	Ha	30.240,5	29.456,3	31.299,7	31.284,1
b	Tưới tiêu cho màu	Ha	304,1	342,6	333,2	333,2
c	Cấp nước cho thủy sản	Ha	284,7	279,7	313,1	313,1
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	33,93	33,42	36,52	36,25
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	0,995	0,722	0,218	0,22
4	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	0,075	0,167	0,303	0,31
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)		-	-	-	-
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		-	-	-	-
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ.đ	26,0	13,0	13,3	3,0
a	- Nguồn ngân sách		19,0	6,0	13,3	3,0
b	- Vốn vay		7,0	7,0	-	-
c	- Vốn khác		-	-	-	-
8	Tổng số lao động	Người	304	312	312	312
9	Tổng quỹ lương	Tỷ.đ	16,188	16,489	18,45	20,25
a	- Quỹ lương quản lý		1,057	0,952	0,825	1,057
b	- Quỹ lương lao động		15,131	15,537	17,625	19,193

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch đầu tư;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Lãnh đạo C.ty;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Duy Thông**